

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
TỔ CHỨC THỰC HIỆN MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT
CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI,
HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI,
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 334/2017/UBTVQH14)

CHƯƠNG I

CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI,
ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Mục 1

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI,
ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 1. Đề xuất nội dung chương trình giám sát

1. Chậm nhất là ngày 15 tháng 01 hằng năm, Tổng thư ký Quốc hội gửi văn bản đề nghị Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề xuất nội dung đưa vào chương trình giám sát của Quốc hội, chương trình giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm sau. Đối với năm đầu nhiệm kỳ, văn bản của Tổng thư ký Quốc hội được gửi chậm nhất là 80 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất.

Đề nghị của đại biểu Quốc hội được gửi đến Đoàn đại biểu Quốc hội để tổng hợp; kiến nghị của cử tri cả nước do Ban dân nguyện thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội tổng hợp, gửi tới Tổng thư ký Quốc hội. Đại biểu Quốc hội có thể gửi văn bản đề xuất của mình đến Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Văn bản đề xuất phải nêu cụ thể những hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 11 và Điều 22 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Đối với hoạt động giám sát chuyên đề của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi văn bản đề xuất không quá 02 chuyên đề.

Điều 2. Xây dựng dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Tổng thư ký Quốc hội tổ chức tập hợp, tổng hợp đề nghị, kiến nghị về chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đối với giám sát chuyên đề, trên cơ sở tổng hợp đề nghị, kiến nghị, căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này, Tổng thư ký Quốc hội đề xuất từ 25

đến 30 chuyên đề và sắp xếp theo chủ thể giám sát để lựa chọn.

2. Chuyên đề giám sát được lựa chọn căn cứ vào các tiêu chí theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Là vấn đề bức xúc, nổi lên ở tầm vĩ mô hoặc ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế - xã hội, được đại biểu Quốc hội, cử tri và nhân dân quan tâm; gắn với việc xây dựng, thi hành pháp luật; không thuộc phạm vi điều chỉnh của các luật mới có hiệu lực thi hành trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm đề xuất;

b) Không trùng với các chuyên đề giám sát đã được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội tiến hành giám sát trong thời gian 18 tháng tính đến thời điểm đề xuất;

c) Bảo đảm cân đối, phù hợp giữa các lĩnh vực;

d) Phạm vi giám sát phù hợp với điều kiện thực hiện của các cơ quan của Quốc hội.

3. Tổng thư ký Quốc hội lấy ý kiến của Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực các Ủy ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội để đề xuất chương trình giám sát, trong đó có từ 06 đến 08 chuyên đề giám sát trình Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tổng thư ký Quốc hội có thể tổ chức lấy ý kiến của các chuyên gia về dự kiến chương trình giám sát.

Điều 3. Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp trước kỳ họp Quốc hội giữa năm.

2. Hồ sơ trình tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm:

a) Báo cáo của Tổng thư ký Quốc hội về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo dự thảo tờ trình của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội.

Báo cáo gồm những nội dung chính: đặc điểm tình hình năm công tác dự kiến; kết quả tổng hợp đề nghị, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; dự kiến nội dung chương trình giám sát của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội; căn cứ, lý do lựa chọn những hoạt động đưa vào chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; dự kiến cơ quan chủ trì, phối hợp chuẩn bị nội dung giám sát; biện pháp tổ chức thực hiện; các vấn đề liên quan khác;

b) Báo cáo về kết quả thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội năm trước;

c) Tổng hợp đề nghị, kiến nghị sắp xếp theo nội dung;

d) Tổng hợp đề nghị, kiến nghị sắp xếp theo cơ quan, tổ chức, cá nhân

đề xuất;

đ) Thuyết minh các nội dung dự kiến giám sát chuyên đề;

e) Tập hợp nội dung chuyên đề Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã giám sát trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm đề xuất.

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội theo trình tự sau đây:

a) Tổng thư ký Quốc hội trình bày báo cáo về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và dự thảo tờ trình của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội;

b) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

c) Chủ tọa phiên họp kết luận về: dự kiến nội dung chương trình giám sát của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội, trong đó có 04 chuyên đề giám sát trình Quốc hội; những nội dung cần quan tâm để xây dựng và hoàn thiện tờ trình của Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội; các vấn đề có liên quan khác.

4. Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội hoàn thiện Tờ trình và dự thảo nghị quyết về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội.

Điều 4. Phục vụ Quốc hội quyết định chương trình giám sát của Quốc hội

1. Hồ sơ trình tại kỳ họp Quốc hội gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự kiến chương trình giám sát của Quốc hội.

Tờ trình gồm những nội dung chính: đặc điểm tình hình năm công tác dự kiến; kết quả tổng hợp đề nghị, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; dự kiến nội dung chương trình giám sát của Quốc hội, trong đó có 04 chuyên đề giám sát; căn cứ, lý do lựa chọn những hoạt động đưa vào chương trình giám sát của Quốc hội; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; dự kiến cơ quan chủ trì, phối hợp chuẩn bị nội dung giám sát; biện pháp tổ chức thực hiện; các vấn đề liên quan khác;

b) Báo cáo về kết quả thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội năm trước;

c) Tổng hợp đề nghị, kiến nghị sắp xếp theo nội dung, nêu rõ tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất;

d) Thuyết minh 04 nội dung dự kiến giám sát chuyên đề;

đ) Tập hợp nội dung chuyên đề Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã giám sát trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm đề xuất;

e) Dự thảo nghị quyết về chương trình giám sát của Quốc hội.

2. Tổng thư ký Quốc hội gửi phiếu xin ý kiến đại biểu Quốc hội về dự

kiến chuyên đề giám sát của Quốc hội để chọn 02 chuyên đề giám sát của Quốc hội trên cơ sở kết quả phiếu xin ý kiến theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp.

3. Trên cơ sở ý kiến thảo luận của đại biểu Quốc hội và kết quả tổng hợp phiếu xin ý kiến, Tổng thư ký Quốc hội giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội chuẩn bị báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến đại biểu Quốc hội và hoàn thiện dự thảo nghị quyết về chương trình giám sát của Quốc hội, trình Quốc hội xem xét, thông qua.

Điều 5. Ủy ban thường vụ Quốc hội ra nghị quyết về chương trình giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Quốc hội thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội trên cơ sở đề nghị của Tổng thư ký Quốc hội sau khi xin ý kiến thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Nghị quyết về chương trình giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội gồm những nội dung chính sau đây:

- a) Các nội dung Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát trong năm;
- b) Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- c) Biện pháp tổ chức thực hiện.

Mục 2

**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI,
ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**

Điều 6. Triển khai thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua nghị quyết về chương trình giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành kế hoạch thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức hội nghị triển khai thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Kế hoạch thực hiện phải nêu rõ mục đích, yêu cầu; phân công các cơ quan thực hiện; tiến độ; công tác tổ chức, phối hợp thực hiện; trường hợp báo cáo của đối tượng chịu sự giám sát theo quy định phải được thẩm tra mà liên quan đến lĩnh vực phụ trách của nhiều cơ quan khác nhau thì kế hoạch phải nêu rõ cơ quan chủ trì thẩm tra, cơ quan phối hợp thẩm tra (nếu có).

Điều 7. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chậm nhất là ngày 30 tháng 01 hằng năm, Hội đồng dân tộc, các Ủy

ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội được giao chủ trì nội dung trong chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội năm trước gửi báo cáo về kết quả thực hiện đến Ủy ban thường vụ Quốc hội qua Tổng thư ký Quốc hội.

2. Tổng thư ký Quốc hội xây dựng dự thảo báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, gửi xin ý kiến Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực các Ủy ban của Quốc hội, các Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội; tiếp thu, chỉnh lý, gửi Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét để trình Quốc hội.

3. Báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này phải đánh giá được kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân; mức độ hoàn thành chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; trách nhiệm của các cơ quan liên quan; bài học kinh nghiệm; đề xuất, kiến nghị.

Báo cáo gồm các phụ lục sau đây:

a) Tập hợp các hoạt động giám sát, kiến nghị giám sát về các nội dung thuộc chương trình giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;

b) Danh mục báo cáo của các cơ quan chịu sự giám sát, các cơ quan giám sát, các nghị quyết sau giám sát của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 8. Tổ chức thực hiện giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét báo cáo của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; tổ chức giám sát chuyên đề hoặc phân công Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 30 và Điều 31 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội là Trưởng Ban dân nguyện giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết kiến nghị của cử tri thuộc lĩnh vực được phân công.

Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội là Trưởng Ban dân nguyện có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch, thành lập các Đoàn công tác để thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản này; báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban thường vụ Quốc hội; giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội xây dựng và hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát để trình Quốc hội.

Điều 9. Tổ chức thực hiện giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội nghiên cứu báo cáo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; chuẩn bị ý kiến về nghị quyết của